TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **36**/2018/DS-ST Ngày: 12/11/2018 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Thương.

2. Bà H'Bliăk Niê.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Đình Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn 04, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 09, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Đình Q trình bày như sau:**

Tháng 6 năm 2015, ông Q (nguyên đơn) có nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị V (bị đơn) 6.000m^2 đất rẫy cà phê (thủ tục về đất các bên đã thực hiện xong không tranh chấp), theo đó các bên có thỏa thuận giá chuyển nhượng bao gồm cả có điện, nước đầy đủ. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất nguyên đơn kéo điện mục đích bơm nước tưới cà phê thì Công ty Đ không đồng ý, vì lý do bị đơn là chủ cũ còn nợ tiền mắc điện 7.500.000 đồng. Sau đó nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận do bị đơn chưa có tiền nên nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền nêu trên để nộp

cho Công ty Đ và các bên có lập hợp đồng "Giấy nợ tiền và cam kết trả nợ" đề ngày 15/02/2017, bị đơn ký xác nhận nợ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ trong năm 2017, tuy nhiên đã quá hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không trả mặc dù nguyên đơn đã đòi nhiều lần.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 7.500.000 đồng đã vay mượn, không yêu cầu tính lãi suất.

Ngoài ra, giữa các bên không còn khoản nợ nào khác.

*** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị V như sau:**

Bị đơn xác định hiện nay còn nợ của nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng nguồn gốc như nguyên đơn trình bày là đúng; Số tiền trên không liên quan đến chồng bị đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đồng ý trả nợ, nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn do làm ăn thua lỗ nên xin được trả thành 04 lần:

+ Lần 1: Ngày 20/10/2018 trả số tiền 2.000.000 đồng;

+ Lần 2: Ngày 20/12/2018 trả số tiền 2.000.000 đồng;

+ Lần 3: Ngày 20/02/2019 trả số tiền 2.000.000 đồng;

+ Lần 4: Ngày 20/4/2019 trả số tiền 1.500.000 đồng;

Nếu nguyên đơn không đồng ý, đề nghị Tòa án xét xử toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Đình Q, buộc bị đơn bà Trần Thị V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 7.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và lời tranh luận của đương sự có mặt tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35 và 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật là phù hợp.

Về thời hiệu khởi kiện: Kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp đến ngày nguyên đơn khởi kiện phù hợp với quy định tại Điều 184 BLTTDS.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa đương sự có mặt không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 15/02/2017, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 7.500.000 đồng, thời hạn trả nợ trong năm 2017, mục đích nộp tiền điện, khoản vay không thoả thuận lãi suất; quá thời hạn bị đơn không trả nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Xét việc bị đơn thừa nhận giấy vay nợ là do bị đơn tự nguyện ký xác nhận nợ số tiền 7.500.000 đồng, mục đích và thời hạn như nguyên đơn trình bày là đúng; nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin nguyên đơn cho trả dần thành 04 lần, hạn cuối là tháng 4/2019 nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy quyền và lợi ích của các bên đương sự đều được bảo vệ; bị đơn đã vi phạm thoả thuận trả nợ cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 7.500.000 đồng.

Xét quá trình khởi kiện nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về lãi suất là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

[5] Về án phí: Trả lại cho nguyên đơn ông Hoàng Đình Q số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn bà Trần Thị V có nghĩa vụ nộp 375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 BLTTDS;

Căn cứ vào các điều 463, 466 BLDS năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Đình Q.

Buộc bị đơn bà Trần Thị V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Hoàng Đình Q số tiền gốc 7.500.000 đồng *(bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

- Về án phí:

Bị đơn bà Trần Thị V có nghĩa vụ nộp 375.000 đồng *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Hoàng Đình Q số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007123 ngày 19/7/2018.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH